

PHỤ LỤC I

Kế hoạch thực hiện chỉnh trang, làm gọn cáp thông tin treo trên cột điện trên địa bàn tỉnh Cà Mau năm 2026

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày /3/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Stt	Địa phận		Đội Quản lý điện	Số tuyến thi công	Chiều dài (m)
1	Phường Bạc Liêu		Bạc Liêu	05	3.500
2	Phường Vĩnh Trạch			01	1.090
3	Phường Hiệp Thành			01	2.380
Tổng:				07	6.970
4	Xã Hòa Bình		Vĩnh Lợi	01	2.812
Tổng:				01	2.812
5	Xã Vĩnh Hậu		Hòa Bình	01	3.266
6	Xã Vĩnh Hậu, xã Hòa Bình			01	5.563
7	Xã Vĩnh Mỹ			01	4.319
8	Xã Hòa Bình			01	6.292
Tổng:				04	19.440
9	Xã Vĩnh Thanh		Phước Long	01	2.160
10	Xã Vĩnh Phước			02	2.040
11	Xã Phong Hiệp			01	1.575
12	Xã Phước Long			01	3.544
Tổng:				05	9.319
13	Xã Hồng Dân		Hồng Dân	02	2.280
14	Xã Ninh Quới			02	6.320
15	Xã Ninh Thạnh Lợi			01	1.760
Tổng:				05	10.360
16	Quốc lộ 1A (Phường Láng Tròn)		Giá Rai	01	7.139
17	Chợ Hộ Phòng, phường Giá Rai			01	1.065
18	Xã Phong Thạnh			01	15.000
Tổng:				03	23.204

Stt	Địa phận	Đội Quản lý điện	Số tuyển thi công	Chiều dài (m)
19	Xã Long Điền (Chợ Kinh Tư)	Đông Hải	01	1.120
20	Xã Long Điền (Chợ Kinh Tư về Khâu)		01	2.310
Tổng:			02	3.430
21	Xã Nguyễn Phích, xã Khánh Lâm (Tuyến đường U Minh Khánh Hội)	Nguyễn Phích	01	11.700
22	Xã Khánh Lâm (Tuyến đường từ Ủy ban Khánh Lâm đến cầu Kênh Ba Thước)		01	2.300
23	Xã U Minh (Tuyến đường Kim Đài về Ủy ban Khánh Hòa và chợ Khánh Hòa)		01	7.500
Tổng:			03	21.500
24	Xã Hưng Mỹ (474CN, 476CN, 478CN, 480CN)	Hưng Mỹ	01	8.590
25	Xã Cái Nước (474CN)		01	4.000
26	Xã Hưng Mỹ, xã Cái Nước (474CN/60A, 474CN/60B)		01	2.500
Tổng:			03	15.090
27	Xã Năm Căn (Tuyến Quốc lộ 1A (từ Cầu Lòng Tong đến Ngã Tư)	Năm Căn	01	5.460
28	Xã Năm Căn (Tuyến đường Hùng Vương (từ Ngã Tư đến đến Đội QLĐ Năm Căn)		01	3.640
29	Xã Năm Căn (Tuyến đường Lý Nam Đế)		01	1.680
30	Xã Năm Căn (Tuyến đường Nguyễn Việt Khái)		01	1.400

Stt	Địa phận	Đội Quản lý điện	Số tuyến thi công	Chiều dài (m)
31	Xã Năm Căn (Tuyến Hẻm 7 Minh, Tuyến hạ thế trạm Khu Thương Mại)		01	490
Tổng:			05	12.670
32	Xã Quách Phẩm	Đầm Dơi	01	3.410
33	Xã Thanh Tùng		01	1.951
34	Xã Tân Tiến		01	3.466
35	Xã Trần Phán		01	3.788
36	Xã Tân Tiến (Tuyến 478 Đầm Dơi khu vực xã Tân Tiến)		01	2.907
37	Xã Đầm Dơi		01	5.411
Tổng:			06	20.933
38	Xã Tân Ân	Phan Ngọc Hiển	01	1.540
39	Xã Phan Ngọc Hiển		01	7.000
40	Xã Đất Mũi (Từ Cầu Rạch Tàu đến khu du lịch Đất Mũi)		01	6.440
Tổng:			03	14.980
41	Xã Cái Đôi Vàm (Tuyến 471THT)	Cái Đôi Vàm	01	3.780
42	Xã Cái Đôi Vàm (Tuyến 475THT)		01	3.990
43	Xã Cái Đôi Vàm (Tuyến 473THT)		01	910
44	Xã Cái Đôi Vàm (Tuyến 477THT)		01	4.060
Tổng:			04	12.740

Stt	Địa phận	Đội Quản lý điện	Số tuyển thi công	Chiều dài (m)
45	Xã Thới Bình (Tuyến 478VT)	Thới Bình	01	2.800
46	Xã Thới Bình (Tuyến 476TB)		01	13.825
Tổng:			02	16.625
47	Phường An Xuyên	Tân Thành	16	280
48	Phường Tân Thành		07	290
49	Phường Lý Văn Lâm		02	310
50	Phường Hòa Thành		01	70
Tổng:			26	950
51	Xã Sông Đốc	Trần Văn Thời	02	6.160
52	Xã Trần Văn Thời		08	7.630
53	Xã Khánh Hưng		01	70
54	Xã Đá Bạc		02	210
Tổng:			13	14.070
Tổng cộng:			92	205.093